

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ C
TỈNH QUẢNG NINH**

--- * ---

Bản án số: 33/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 16/9/2020

“V/V Tranh chấp hôn nhân gia đình”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ C- TỈNH QUẢNG NINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Mạnh

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị Kim Chinh

2. Ông Vũ Công Soạn

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lý- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Quảng Ninh.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã C- Tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Viện- Chức vụ: Kiểm sát viên.

-Ngày 16/9/2020 tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã C đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 153/2020/TLST-HNGĐ ngày 09/6/2020 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 14/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2020/QĐST-HNGĐ ngày 31/8/2020 giữa:

-Nguyên đơn: Chị **Trần Thị A** sinh năm 1981

Địa chỉ: Khu D, phường E, thị xã C, tỉnh Quảng Ninh- Có mặt.

-Bị đơn: Anh **Nguyễn Thành B** sinh năm 1975

Địa chỉ: Khu D, phường E, thị xã C, tỉnh Quảng Ninh-Vắng mặt. (Tòa án tiến hành niêm yết theo quy định).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai của nguyên đơn chị Trần Thị A trình bày:

Chị A và anh B tìm hiểu tự nguyện và tự nguyện kết hôn vào năm 1999 hai người có đăng ký kết hôn lại tại UBND phường E, thị xã C, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 20/12/1999. Quá trình chung sống sau khi kết hôn hạnh phúc đến năm 2017 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh B ham chơi bởi dẫn đến nghiện ma túy không quan tâm đến gia đình vợ con, không chịu tu trí làm ăn, mặc dù được gia đình đã nhiều lần khuyên bảo nhưng không có kết quả và anh B thường xuyên đánh đập chị A.

Trầm trọng nhất vào khoảng năm 2017 hai vợ chồng đã ly thân nhau, không ai quan tâm đến ai nữa. Do đó, chị A thấy không còn tình cảm với anh B nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh B.

-Về con chung: Chị A xác nhận trong quá trình chung sống hai người sinh được 02 (Hai) con chung là Nguyễn Nhật G, sinh ngày 15/10/2000 (đã thành niên) và Nguyễn Lan Anh, sinh ngày 04/6/2004. Quan điểm của chị A khi vợ chồng ly hôn chị để anh B trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Lan H đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Chị có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung Nguyễn Lan H 1.000.000đ/01 tháng, đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

-Về tài sản chung: Chị A xác nhận chị và anh B tự thỏa thuận giải quyết nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Bị đơn anh Nguyễn Thành B vắng mặt nên không có quan điểm thể hiện mặc dù đã nhận được thủ tục khởi kiện và các chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện của chị A gửi trước khi khởi kiện:

-Quá trình Tòa án giải quyết đã tổng đạt thông báo thụ lý cũng như giấy triệu tập, thông báo tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải, niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho gia đình và chính quyền địa phương nơi anh B sinh sống đều thể hiện quá trình tìm hiểu và kết hôn của chị A, anh B hoàn toàn tự nguyện không ai ép buộc. Hai người kết hôn vào năm 1999 có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND phường E, thị xã C.

- Tại các biên bản xác minh ngày 11/8/2020 ông Cao Ngọc Thực- Trưởng khu D, phường E, thị xã C cho biết: Chị Trần Thị A và anh Nguyễn Thành B kết hôn với năm 1999, hai người có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND phường E, thị xã C. Quá trình chung sống hai vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn , nguyên nhân chủ yếu là do hai người tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau trong cuộc sống vợ chồng nên thường xuyên xảy ra va chạm cãi cọ nhau có lúc còn xảy ra xô sát, mặc dù đã được gia đình và chính quyền địa phương hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Hiện tại hai người đã ly thân nhau không ai quan tâm đến ai nữa. Vì vậy chị A có đơn xin ly hôn anh B địa phương cũng đã nắm được tình hình và cũng đã nhiều lần tổng đạt giấy triệu tập cho anh B nhưng anh B không chấp hành. Do đó, đề nghị Tòa án căn cứ theo pháp luật giải quyết cho họ được ly hôn.

-Về con chung: anh B và chị A có 02 (Hai) con chung là Nguyễn Nhật G, sinh ngày 15/10/2000 (đã thành niên) và Nguyễn Lan H, sinh ngày 04/6/2004. Quan điểm của chính quyền địa phương đối với cháu Lan H chưa thành niên thì đề nghị Tòa án căn cứ nguyện vọng của cháu muốn ở với ai giao cho bố hay mẹ cho phù hợp quy định của pháp luật.

-Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã C có quan điểm: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án thì vụ án được thụ lý, giải quyết đúng theo quy

định của bộ luật tố tụng dân sự; vụ án thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng, đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, việc triệu tập người tham gia tố tụng đảm bảo, Quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo và có căn cứ. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã làm đầy đủ thủ tục đúng quy định của pháp luật. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát căn cứ Khoản 1, Điều 51; Điều 56, Điều 81, Điều 82, 83- Luật Hôn nhân gia đình.

-Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị A. Xử cho chị Trần Thị A được ly hôn anh Nguyễn Thành B.

-Về con chung: Giao con chung Nguyễn Lan H, sinh ngày 04/6/2004 cho anh Nguyễn Thành B trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Trần Thị A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đ (Một triệu đồng)/01 tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 9 năm 2020 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] **Về Tố Tụng:** Ngày 21/5/2020, người khởi kiện là chị Trần Thị A nộp đơn tại Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Quảng Ninh. Tòa án tiến hành thụ lý vụ án bảo đảm đúng quy định tại Điều 195 và 197 của Bộ luật tố tụng dân sự.

-Về thẩm quyền: Căn cứ vào đơn khởi kiện và yêu cầu của người khởi kiện ngày 23/4/2020, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hôn nhân gia đình*” thuộc thẩm quyền của Tòa án quy định tại Điều 28 Điều 35 -Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]**Về tình cảm:** Chị Trần Thị A và anh Nguyễn Thành B tự nguyện tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, hai người có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện I (nay là Phường E), thị xã C, tỉnh Quảng Ninh vào năm 1999. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 1999 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau, không tin tưởng nhau trong cuộc sống vợ chồng, có lúc xảy ra xô xát vợ chồng, mặc dù đã được hai bên gia đình nội ngoại cũng như chính quyền địa phương nhiều lần hòa giải nhưng không có kết quả. Vì thế mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, chính vì thế hai vợ chồng hiện đã ly thân nhau từ năm 2017 đến nay. Do đó, chị A thấy không còn tình cảm với anh B nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị A được ly hôn anh B là hoàn toàn có cơ sở.

-Đối với anh B không có mặt tại Tòa án để bảo vệ quyền và lợi ích của mình nhưng trong quá trình Tòa án làm việc thu thập chứng cứ tại chính quyền địa

phương nơi anh B chị A chung sống đều thể hiện hai người kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống không hạnh phúc nguyên nhân chủ yếu do hai người tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau trong cuộc sống vợ chồng nên thường xuyên xảy ra va chạm cãi cọ nhau, hiện tại hai người đã ly thân nhau, không ai quan tâm đến ai nữa, mặc dù được chính quyền địa phương hòa giải nhưng không có kết quả.

Do đó, xét thấy nguyện vọng xin ly hôn của chị A là hoàn toàn chính đáng phù hợp theo quy định tại các Điều 51, 56- Luật hôn nhân gia đình. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị A.

[3].**Về con chung:** Trong quá trình chung sống hai người sinh được 02 (Hai) con chung là Nguyễn Nhật G, sinh ngày 15/10/2000 (đã thành niên) và Nguyễn Lan H, sinh ngày 04/6/2004. Quan điểm của chị A khi vợ chồng ly hôn chị để anh B trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Lan H đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Chị có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Lan H 1.000.000đ/01 tháng, thời gian kể từ tháng 9/2020 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) là hoàn toàn có căn cứ. Đối với anh B không có quan điểm nhưng xét theo nguyện vọng của con chung Nguyễn Lan H là khi bố mẹ ly hôn cháu muốn ở với bố cháu. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu Lan H cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81- Luật hôn nhân gia đình.

[4]**Về tài sản chung và công nợ chung:** Chị Trần Thị A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]**Về án phí:** Án phí ly hôn chị Trần Thị A phải nộp theo quy định của pháp luật.

-Về các lễ trên:

QUYẾT ĐỊNH

-Căn cứ: Khoản 1, Điều 51; Điều 56, Khoản 2 Điều 81, Điều 82, 83- Luật Hôn nhân gia đình.

-Căn cứ: Khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273- Bộ luật tố tụng dân sự.

-Căn cứ: Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về tình cảm: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị A.

Xử: Chị Trần Thị A được ly hôn anh Nguyễn Thành B.

2. Về con chung: Xử: Giao con chung Nguyễn Lan H, sinh ngày 04/6/2004 cho anh Nguyễn Thành B trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Trần Thị A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đ (Một triệu đồng)/01 tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 9 năm 2020 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

3.Về án phí: Chị Trần Thị A phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình và 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Nhưng được trừ đi số tiền tạm ứng án phí mà chị A đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001858 ngày 09/6/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã C. Chị A còn phải nộp thêm 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho nguyên đơn biết quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được án hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Quảng Ninh.
- VKS Tx C.
- T.H.A DS
- Các đương sự.
- phường E, Tx C
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Chí Mạnh